

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13-3-2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Trương Văn Luân

2. bà Trần Thị Nôi.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2025/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 26-02-2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Bích N**, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên.**

Nơi ở hiện nay: **thôn T, xã D, tỉnh Hưng Yên.**

2. *Bị đơn:* anh **Trần Văn L**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên.**

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng C.**

Địa chỉ trụ sở: **Số A L, phường H, thành phố Hà Nội.**

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** - Chức vụ Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Văn L1** - Chức vụ Giám đốc **phòng C, chi nhánh tỉnh H.**

- Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Văn K** - Chức vụ Phó giám đốc **phòng C, chi nhánh tỉnh H** (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị **Vũ Thị Bích N** trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh **Trần Văn L** kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã H, tỉnh Hưng Yên** vào ngày 15-9-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh **L** chơi bời, cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **L** không nghe còn chửi và đánh chị nhiều lần, chị phải báo **công an xã H** để giải quyết. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **L**.

Về nuôi con chung: chị và anh **L** có 02 con chung là **Trần Đại N1**, sinh ngày 08-3-2019 và **Trần Đại P**, sinh ngày 11-8-2020; hiện cả 02 con chung đều do chị nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh **L** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung, nợ chung: tại đơn khởi kiện chị trình bày năm 2019 chị và anh **L** có xây 01 căn nhà tại **thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên**, xây dựng trên đất của bố mẹ chồng, trị giá khoảng 300.000.000 đồng. Về nợ chung: Tổng số tiền vay phục vụ cho việc xây dựng và hoàn thiện nhà ở là 240. 000.000 đồng, gồm: vay của bố mẹ đẻ chị số tiền 100.000.000 đồng; vay của bà **Phạm Thị S** số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng; vay của phòng giao dịch **Ngân hàng C, chi nhánh tỉnh H** số tiền 70.000.000 đồng, đến nay chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nêu trên, sau này anh **L** về chị yêu cầu giải quyết sau.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh **L**.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Trần Văn L** vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

*Tại biên bản xác minh và biên bản ghi lời khai, ông **Trần Văn N2** là bố đẻ anh **L** cung cấp:* Hiện nay anh **L** không có mặt ở gia đình, anh **L** hiện đang làm tại tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ cụ thể của anh **L** ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được; ông có gặp anh **L** và liên hệ với anh **L** qua điện thoại. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án gửi ông để ông giao cho anh **L**, ông đã giao toàn bộ các văn bản cho anh **L** gồm giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Anh **L** đã biết nội dung hiện nay Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh **L** và chị **N**, quan điểm của anh **L** như sau:

Về hôn nhân: anh và chị **N** kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình** vào ngày 15-9-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau, chị **N** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 4 năm 2023. Nay chị **N** có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con chung.

Về nuôi con chung: anh và chị **N** có 02 con chung là là **Trần Đại N1**, sinh ngày 08-3-2019 và **Trần Đại P**, sinh ngày 11-8-2020. Nếu ly hôn anh **L** xin trực tiếp nuôi con chung là **P**, nhường chị **N** nuôi con chung là **N1**, đôi bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về quan hệ tài sản chung: anh và chị **N** không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh và chị **N** có vay của Ngân hàng chính sách xã hội **phòng giao dịch huyện C** số tiền 70.000.000 đồng.

*Tại đơn đề nghị, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Trần Trung K1** là người đại diện theo ủy quyền lại của **Ngân hàng C** trình bày: **Phòng C**, **chi nhánh tỉnh H** có cho vợ chồng bà **Vũ Thị Bích N**, sinh năm 1999 và ông **Trần Văn L**, sinh năm 1995; địa chỉ **thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên** vay số tiền: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn) thông qua tổ Tiết kiệm và vay vốn, cụ thể: Chương trình cho vay **H** mới thoát nghèo số tiền: 50.000.000 đồng, ngày vay 26-01-2022; hạn trả nợ ngày 26-09-2025 đã thực hiện gia hạn nợ đến ngày 12-6-2027; mục đích vay cải tạo vườn trồng cây ăn quả. Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền: 20.000.000 đồng; ngày vay 26-06-2020; hạn trả nợ ngày 26-03-2025 đã thực hiện gia hạn nợ đến ngày 12-10-2026; mục đích vay xây hố xí tự hoại, xây bể nước mưa. Đến ngày 12-12-2025 tổng số tiền nợ vay là 78.690.694 đồng; trong đó: Nợ gốc số tiền là 70.000.000 đồng, nợ lãi số tiền là 8.690.694 đồng. Nay do chưa đến hạn trả nợ, **Phòng C**, **Chi nhánh tỉnh H** chưa đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay trên của bà **N** và ông **L** trong vụ án ly hôn này. Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.*

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **N** thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh **L** không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **L** vắng mặt nên Tòa án đã xét xử vắng mặt anh **L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,

Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Trần Văn L**. Về nuôi con chung: xử giao cho chị **Vũ Thị Bích N** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung **Trần Đại N1**, sinh ngày 08-3-2019 và **Trần Đại P**, sinh ngày 11-8-2020. Anh **L** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N**. Anh **L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết. Về án phí: chị **Vũ Thị Bích N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: chị **Vũ Thị Bích N** khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh **Trần Văn L**, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh **L**, anh **L** biết việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **N** và anh **L** nhưng do anh **L** không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **L** theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị **Vũ Thị Bích N** kết hôn với anh **Trần Văn L** tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã H, tỉnh Hưng Yên** vào ngày 15-9-2018, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra đánh cãi chửi nhau, chị **N** và anh **L** không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay. HĐXX thấy chị **N** và anh **L** mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh **L**, anh **L** biết được Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **N** và anh **L**, Tòa án đã triệu tập anh **L** đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải nhưng anh **L** không đến thể hiện anh **L** không có thiện chí hòa giải. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị **N**, xử cho chị **N** được ly hôn anh **L** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị **N** và anh **L** có 02 con chung là **Trần Đại N1**, sinh ngày 08-3-2019 và **Trần Đại P**, sinh ngày 11-8-2020, chị **N** có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, HĐXX thấy anh **L** không có mặt tại địa phương; hơn nữa các con chung còn nhỏ, vì vậy để đảm bảo điều kiện về

mọi mặt cho con chung cần giao cả 02 con chung cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị **N**, không yêu cầu anh **L** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N** là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: tại đơn khởi kiện chị **N** trình bày yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng, đến nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh **L** chưa có trình bày trực tiếp về quan hệ tài sản chung nên HĐXX chưa xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu giải quyết về khoản nợ của **Ngân hàng C** phòng giao dịch **Ngân hàng C**, chi nhánh tỉnh **H** số tiền là 70.000.000 đồng, chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng C** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; anh **L** chưa có trình bày trực tiếp về khoản nợ này nên HĐXX chưa xem xét giải quyết; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị **N** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Trần Văn L**.

2. *Về nuôi con chung*: xử giao cho chị **Vũ Thị Bích N** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung **Trần Đại N1**, sinh ngày 08-3-2019 và **Trần Đại P**, sinh ngày 11-8-2020. Anh **L** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N**. Anh **L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: chưa giải quyết.

4. *Về án phí*: chị **Vũ Thị Bích N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **N** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003225 ngày 13-11-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị **N** đã nộp đủ).

5. *Về quyền kháng cáo*: chị **Vũ Thị Bích N** và anh **Trần Văn L** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hưng Yên;
- UBND xã Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ, lưu HC - TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thủy

